

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ QUẢNG TRỊ
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/DS-ST

Ngày: 02/4/2025

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG TRỊ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đồng và ông Nguyễn Thành Luân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Thuý Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị.

Ngày 02 tháng 4 năm 2025, tại Hội trường Tòa án nhân dân thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 41/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2024 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Hải V**, sinh năm: 1982; địa chỉ: Xóm T, thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị - Có mặt.

Bị đơn: Bà **Hoàng Thị Như H**, sinh năm 1987; địa chỉ: Khu phố C, phường A, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/12/2024, biên bản hòa giải ngày 16/01/2025, bản khai ngày 01/4/2025 và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Trước đó bà Nguyễn Thị Hải V có cho bà Hoàng Thị Như H vay nợ. Đến ngày 23 tháng 7 năm 2024 hai bên đã tắt toán số nợ cũ và lập lại giấy vay nợ mới với số tiền vay là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), lãi suất vay theo thỏa thuận là 01%/tháng và trả lãi hàng tháng. Các giấy tờ mượn tiền và trả tiền trước ngày 22/4/2024 đều không có giá trị pháp lý cho cả hai bên.

Tuy nhiên, bà H chỉ mới trả tiền lãi cho bà V thời gian từ ngày 23/7/2024 đến ngày 23/8/2024 (01 tháng) với số tiền lãi là 2.000.000 đồng (Hai triệu

đồng). Đến nay đã hơn 03 tháng bà H không trả tiền lãi hàng tháng, đồng thời bà V cũng không liên lạc được cho bà H, nhiều lần bà V yêu cầu trả nợ nhưng bà H vẫn cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Do bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng, nên bà Nguyễn Thị Hải V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Hoàng Thị Như H phải trả cho bà V số tiền gốc 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 24/8/2024 đến ngày xét xử 02/4/2025 là 07 tháng 09 ngày, thành tiền là 14.600.000 đồng (Mười bốn triệu sáu trăm nghìn đồng) $[200.000.000 \text{ đồng} \times (1,0\%/\text{tháng} \times 07 \text{ tháng} + 9 \text{ ngày}/30 \text{ ngày} \times 1,0\%)]$. Tổng số tiền bà H phải trả cho bà V là 214.600.000 đồng (Hai trăm mười bốn triệu sáu trăm nghìn đồng). Ngoài ra, bà H còn phải tiếp tục trả tiền lãi trên số tiền gốc bà H chưa trả theo lãi suất đã thỏa thuận cho đến khi trả hết tiền nợ gốc.

Tại phiên tòa bà Hoàng Thị Như H thừa nhận vào ngày 23/7/2024 bà H có ký kết vay của bà V số tiền gốc 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và lãi suất thỏa thuận 1,0% /tháng và trả lãi hàng tháng là đúng như bà V trình bày. Bà H có trả tiền lãi cho bà V thời gian từ ngày 23/7/2024 đến ngày 23/8/2024 (01 tháng) với số tiền lãi là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Tuy nhiên, bà H cho rằng khoản tiền 10.000.000 đồng bà H trả vào ngày 23/3/2022 là trừ vào tiền lãi của khoản vay ngày 23/7/2024 nhưng bà V ko trừ vào tiền lãi cho bà H. Vì vậy, giữa bà V và bà H chưa thống nhất được về phần tiền lãi từ ngày 24/8/2024 đến nay. Hiện bà H còn nợ bà V số tiền gốc là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và tiền lãi từ ngày 24/8/2024 đến nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hải V, căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp là: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Bị đơn Hoàng Thị Như H cư trú tại thị xã Q, tỉnh Quảng Trị nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Tại biên bản hòa giải ngày 16/01/2025 và tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất trước đây bị đơn có nhiều lần vay nợ của nguyên đơn, nhưng đến ngày 23/7/2024 hai bên tất toán nợ cũ và lập lại giấy vay nợ mới, bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền gốc 200.000.000 (Hai trăm triệu đồng), tiền lãi 1,0%/tháng, trả lãi hàng tháng. Bị đơn thừa nhận Giấy vay nợ là do bị đơn trực tiếp viết tay và ký tên. Căn cứ yêu cầu khởi kiện, các tài liệu chứng

cứ của nguyên đơn cung cấp và sự thừa nhận của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án. Có cơ sở xác định bị đơn đã vay của nguyên đơn số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), lãi suất vay theo thỏa thuận là 1,0%/tháng và trả lãi hàng tháng. Hợp đồng vay ký kết ngày 23/7/2024 được thỏa thuận trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, nguyên đơn và bị đơn là người có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự, hình thức giao dịch phù hợp với quy định pháp luật. (Căn cứ Điều 117,119 của Bộ luật Dân sự)

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa. Nguyên đơn cho rằng bị đơn đã trả 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) là tiền lãi tính từ ngày 23/7/2024 đến ngày 23/8/2024. Từ đó đến nay bị đơn không trả thêm khoản tiền lãi nào. Phía nguyên đơn đã nhiều lần liên lạc với bị đơn để yêu cầu trả nợ, nhưng không liên lạc được. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên ngày 16/12/2024 nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả số tiền gốc 200.000.000 đồng. Phía bị đơn không có chứng cứ chứng minh về việc thực hiện đúng cam kết hợp đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, Hợp đồng vay không có thỏa thuận về thời hạn trả nợ, nhưng do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả lãi từ ngày 24/8/2024 đến ngày 16/12/2024 là trên 03 tháng, nguyên đơn nhiều lần liên lạc nhưng không được, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền gốc 200.000.000 đồng là có căn cứ cần chấp nhận.

Đối với tiền lãi: Hợp đồng vay ngày 23/7/2024 có thỏa thuận về lãi suất 1,0%/tháng. Lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015. Sau khi ký kết hợp đồng, nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất, bị đơn có trả tiền lãi cho nguyên đơn, thời gian tính từ ngày 23/7/2024 đến ngày 23/8/2024 (01 tháng) với số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Tại phiên tòa, bị đơn cho rằng vào ngày 23/3/2022 có trả cho nguyên đơn 10.000.000 đồng, khoản tiền này bị đơn trừ vào khoản tiền lãi vay ký kết ngày 23/7/2024, nhưng nguyên đơn không trừ vào tiền lãi cho bị đơn. Phía nguyên đơn không chấp nhận khoản tiền 10.000.000 đồng trả vào ngày 23/3/2022 là tiền lãi của khoản vay ký kết ngày 23/7/2024, nguyên đơn cho rằng đó là khoản tiền lãi của các khoản vay trước ngày 23/7/2024. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị đơn không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho lời khai của mình là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận số tiền 10.000.000 đồng là tiền lãi trả cho khoản vay ký kết ngày 23/7/2024.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả tiền lãi tính từ ngày 24/8/2024 đến ngày xét xử ngày 02/4/2025 là 7 tháng 09 ngày với lãi suất 1,0%/ tháng tương đương số tiền 14.600.000 đồng (Mười bốn triệu sáu trăm nghìn đồng). Căn cứ khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Hoàng Thị Như H phải trả cho nguyên

đơn bà Nguyễn Thị Hải V số tiền 214.600.000 đồng (Hai trăm mười bốn triệu, sáu trăm nghìn đồng). Trong đó tiền gốc là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), tiền lãi 14.600.000 đồng (Mười bốn triệu sáu trăm nghìn đồng).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 119, Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466; khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hải V đối với bà Hoàng Thị Như H.

Buộc bà Hoàng Thị Như H chịu trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Hải V số tiền 214.600.000 đồng (Hai trăm mười bốn triệu sáu trăm nghìn đồng). Trong đó tiền gốc là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), tiền lãi 14.600.000 đồng (Mười bốn triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện số tiền có nghĩa vụ phải trả, thì bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với khoản tiền và thời gian chậm thi hành cho đến khi thi hành xong bản án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Hoàng Thị Như H phải chịu 10.730.000 đồng (Mười triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Hải V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.150.000 đồng (Năm triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0000125 ngày 17/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Quảng Trị.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận: Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND thị xã Quảng Trị;
- Chi cục THADS thị xã Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Liên